

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ QUẢNG CHÂU****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: 10/2025/NQ - HĐNDQuảng Châu, ngày 30 tháng 7 năm 2025**NGHỊ QUYẾT****Ban hành Quy chế hoạt động
của Hội đồng nhân dân xã Quảng Châu khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 2 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;**Theo Tờ trình số 20/TTr-HĐND.TT ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân xã Quảng Châu và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp;**Hội đồng nhân dân xã ban hành Nghị quyết ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân xã Quảng Châu khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026.***Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân xã Quảng Châu khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026.**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hànhNghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Khóa I, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 8 năm 2025./. *al***Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban nhân dân tỉnh (b/c);
- Sở Tư pháp (b/c);
- Thường trực Đảng ủy xã (b/c);
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQ xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp xã;
- Các cơ quan liên quan;
- Văn phòng HĐND- UBND xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Bí thư, xóm trưởng các xóm;
- Lưu: VT. *al*

CHỦ TỊCH**Ngô Sỹ Thành**

QUY CHẾ

**Hoạt động của Hội đồng nhân dân xã Quảng Châu,
khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026.**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định hoạt động của Hội đồng nhân dân xã (viết tắt là HĐND), Thường trực HĐND (viết tắt là TT HĐND), các Ban của HĐND, tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND xã; Mỗi quan hệ công tác giữa TT HĐND xã, các Ban của HĐND xã với UBND xã; Mỗi quan hệ giữa HĐND xã với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã (MTTQ) và các tổ chức thành viên của Mặt trận; những điều kiện đảm bảo cho hoạt động của HĐND xã khóa I nhiệm kỳ 2021-2026.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của HĐND xã

1. HĐND xã hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; Hội đồng nhân dân xã làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.

2. Thường trực HĐND xã, các Ban của HĐND xã, các Tổ đại biểu HĐND xã, các đại biểu HĐND xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND ngày 20/11/2015 và các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành các bộ luật, các văn bản pháp luật có liên quan và những quy định tại Quy chế này. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân xã; ban hành văn bản và sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân xã để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã bình đẳng trong thảo luận và quyết định các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 3. Hội đồng nhân dân xã

Hội đồng nhân dân xã gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri trên địa bàn bầu ra và được giới thiệu đến địa bàn làm công tác đại biểu, là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân và cơ quan nhà nước cấp trên.

1. HĐND xã Quảng Châu khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 gồm 112 đại biểu HĐND xã sau sáp nhập;

2. Thường trực HĐND xã gồm: Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND và Trưởng các Ban HĐND. Chủ tịch HĐND, Trưởng và Ủy viên các Ban của HĐND xã hoạt động kiêm nhiệm; Phó Chủ tịch HĐND xã, các Phó Trưởng ban HĐND xã là đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách.

3. HĐND xã thành lập 02 Ban gồm: Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hoá – Xã hội. Mỗi ban có 07 thành viên gồm: 01 Trưởng ban, 01 phó Trưởng ban và 05 ủy viên. Phó Trưởng ban HĐND xã là đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách.

4. Các đại biểu của HĐND xã được phân tổ theo một số đơn vị bầu cử và chỉ định về tổ hoạt động đảm bảo phù hợp, từ tổ số 01 đến tổ số 05 theo đơn vị xã cũ.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND xã

1. Trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật:

a) Quyết định biện pháp bảo đảm thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ở địa bàn;

b) Quyết định chính sách, biện pháp để phát triển kinh tế - xã hội, phát triển các ngành, lĩnh vực, phát triển kinh tế tư nhân và đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật;

d) Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

2. Trong lĩnh vực tổ chức bộ máy và xây dựng chính quyền:

a) Quyết định thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp theo quy định của pháp luật;

b) Căn cứ chỉ tiêu được chính quyền địa phương cấp tỉnh giao, quyết định cụ thể biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp mình, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn;

c) Xem xét, cho ý kiến về việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp mình;

d) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn theo quy định của pháp luật; quyết định cụ thể số lượng người hoạt động không chuyên trách hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước trên địa bàn theo quy định của chính quyền địa phương cấp tỉnh;

đ) Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình;

e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân cùng cấp;

g) Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân và chấp thuận việc đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình thôi làm nhiệm vụ đại biểu theo quy định của pháp luật.

3. Trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch, đầu tư, tài chính, ngân sách, liên kết, hợp tác giữa các đơn vị hành chính cấp xã:

a) Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hằng năm của cấp mình, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, các quy hoạch chi tiết xây dựng hạ tầng, giao thông trên địa bàn bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy hoạch, kế hoạch của chính quyền địa phương cấp tỉnh và quy hoạch chung của cấp mình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán ngân sách cấp mình trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp mình và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án trên địa bàn theo quy định của pháp luật về đầu tư công; quyết định biện pháp huy động sự đóng góp của Nhân dân để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông, công trình công cộng, phúc lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

d) Quyết định biện pháp thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa các đơn vị hành chính cấp xã;

đ) Quyết định chương trình, biện pháp hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

4. Trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

a) Quyết định biện pháp, chương trình, đề án về phát triển khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn;

b) Quyết định biện pháp xây dựng chính quyền địa phương số, kinh tế số, xã hội số ở địa bàn; biện pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của chính quyền địa phương cấp mình và cung ứng dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

5. Trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, môi trường, nông, ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, xây dựng và giao thông:

a) Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp mình trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

b) Quyết định biện pháp quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên nước, rừng, bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quy hoạch, kế hoạch và quy định của pháp luật; biện pháp thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn;

c) Quyết định biện pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn, ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, xây dựng, giao thông; biện pháp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

6. Trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao:

a) Quyết định biện pháp phát triển sự nghiệp giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân; phát triển văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

7. Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dân tộc, tôn giáo:

a) Quyết định biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của cộng đồng dân cư, tín đồ tôn giáo trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

8. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp mình; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan khác ở địa phương.

9. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Chương III **THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ**

Điều 5. Thường trực Hội đồng nhân dân xã

1. Thường trực HĐND xã là cơ quan thường trực của HĐND xã, Thường trực HĐND xã thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025QH15; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015; các quy định khác có liên quan và Quy chế này; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân xã.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã và các Ủy viên là Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân xã.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân xã

1. Nhiệm vụ chung:

1.1. Thảo luận và quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ được Hội đồng nhân dân cùng cấp giao.

1.2. Triệu tập các kỳ họp của Hội đồng nhân dân; phối hợp với Ủy ban nhân dân trong việc chuẩn bị kỳ họp của Hội đồng nhân dân.

1.3. Đôn đốc, giám sát Ủy ban nhân dân xã và các cơ quan khác ở địa phương thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã.

1.4. Giám sát việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương.

1.5. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban của Hội đồng nhân dân xã; xem xét kết quả giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân xã khi xét

thấy cần thiết và báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất; giữ mối liên hệ với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; tổng hợp chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân xã để báo cáo Hội đồng nhân dân xã; yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân xã tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

1.6. Tổ chức đề đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp công dân theo quy định của pháp luật; đôn đốc, giám sát và xem xét tình hình giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; tổng hợp ý kiến, đề xuất, kiến nghị của Nhân dân để báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

1.7. Quyết định số lượng thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình. Phê chuẩn danh sách và việc cho thôi làm Phó Trưởng Ban, Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình trong số đại biểu Hội đồng nhân dân xã theo đề nghị của Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân xã.

1.8. Trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp, phê chuẩn việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức theo nguyện vọng đối với người được Hội đồng nhân dân cấp mình bầu nếu vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác mà không thể tiếp tục thực hiện được nhiệm vụ, cho thôi giữ chức vụ Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân xã, Ủy viên Ủy ban nhân dân cùng cấp do chuyển công tác khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025.

1.9. Thành lập Tổ đại biểu, xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân của Tổ đại biểu, phân công Tổ trưởng và Tổ phó của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; quyết định việc chuyển sinh hoạt tại Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân của đại biểu Hội đồng nhân dân.

1.10. Quyết định việc đưa ra Hội đồng nhân dân xã hoặc đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

1.11. Báo cáo về hoạt động của Hội đồng nhân dân xã đến Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh;

1.12. Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp; mỗi năm 02 lần thông báo đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp về hoạt động của Hội đồng nhân dân.

1.13. Ban hành nghị quyết và các văn bản hành chính khác về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật.

1.14. Trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp, Thường trực Hội đồng nhân dân được quyết định các nội dung sau đây và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất:

a) Biện pháp giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn;

b) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn chuẩn bị, triệu tập kỳ họp Hội đồng nhân dân xã:

a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã chuẩn bị dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân xã

theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã;

b) Quyết định triệu tập kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, công bố dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp;

c) Chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri để báo cáo tại kỳ họp;

d) Tổng hợp ý kiến chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân xã và trả lời chất vấn giữa hai kỳ họp;

đ) Bảo đảm việc chuẩn bị các dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã;

e) Đôn đốc các cơ quan, tổ chức có liên quan gửi tài liệu kỳ họp đúng thời hạn.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn đơn đốc, kiểm tra, giám sát Ủy ban nhân dân xã, các cơ quan Nhà nước thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã:

a) Yêu cầu Ủy ban nhân dân xã và các cơ quan nhà nước ở địa phương báo cáo trực tiếp hoặc bằng văn bản về tình hình thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, thi hành các biện pháp cần thiết để đảm bảo thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã;

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã;

c) Khi phát hiện có sai phạm trong thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống nhân dân địa phương, Thường trực Hội đồng nhân dân xã có quyền yêu cầu Ủy ban nhân dân xã hoặc cơ quan nhà nước có liên quan ở địa phương áp dụng các biện pháp để chấm dứt hành vi vi phạm, xem xét, xử lý và báo cáo kết quả với Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

Trong trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân xã có thể trình kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân xã hoặc triệu tập phiên họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất để xem xét, quyết định;

d) Xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung những biện pháp nhằm đảm bảo thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã theo đề nghị của Ủy ban nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã và báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn điều hòa, phối hợp hoạt động các Ban của Hội đồng nhân dân xã:

a) Phân công các Ban Hội đồng nhân dân xã thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân xã.

Trước kỳ họp thường lệ hoặc kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất, Thường trực Hội đồng nhân dân xã tổ chức họp để nghe báo cáo kết quả thẩm tra các báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp;

b) Phân công các Ban Hội đồng nhân dân xã tham gia đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã và một số công việc khác;

c) Phân công các Ban Hội đồng nhân dân xã thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân xã và Thường trực Hội đồng

nhân dân xã; điều hòa, phối hợp, đôn đốc chương trình hoạt động của các Ban Hội đồng nhân dân xã;

d) Tham dự cuộc họp của các Ban Hội đồng nhân dân xã;

đ) Chủ trì các cuộc họp giao ban của Thường trực Hội đồng nhân dân xã với các Ban của Hội đồng nhân dân xã khi cần thiết;

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, các thành viên khác của Thường trực Hội đồng nhân dân xã

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chủ tọa các phiên họp của Hội đồng nhân dân xã, bảo đảm thi hành các quy định về hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân xã, các quy định về kỳ họp Hội đồng nhân dân xã;

b) Lãnh đạo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân xã; chỉ đạo việc chuẩn bị dự kiến chương trình, triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân xã;

c) Thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân xã giữ mối liên hệ với Ủy ban nhân dân xã, các cơ quan nhà nước, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp, các tổ chức xã hội khác và Nhân dân;

d) Quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp trong các trường hợp theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã và chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã; chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân xã; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

3. Các thành viên khác của Thường trực Hội đồng nhân dân xã chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân xã; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân xã về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

4. Trong nhiệm kỳ, nếu khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân thì Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã cho đến khi Hội đồng nhân dân bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã mới.

Trường hợp khuyết cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã thì Thường trực Hội đồng nhân dân xã đề nghị Thường trực HĐND cấp tỉnh chỉ định người điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân

dân xã trong số đại biểu Hội đồng nhân dân xã cho đến khi Hội đồng nhân dân bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã mới.

5. Chủ tịch Hội đồng nhân dân ký chứng thực Nghị quyết của Hội đồng nhân dân. Trong trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân thì Chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, người được chỉ định điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân quy định tại khoản 4 Điều 32 luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025, ký chứng thực Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

Điều 8. Phiên họp của Thường trực HĐND xã

1. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã là hình thức hoạt động chủ yếu của Thường trực Hội đồng nhân dân xã; thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã họp thường kỳ mỗi tháng một lần và họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân xã tham dự.

3. Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã quyết định thời gian, chương trình, chỉ đạo việc chuẩn bị và chủ tọa phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã; khi Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã vắng mặt thì uỷ quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã chủ tọa phiên họp.

4. Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp, nếu vì lý do đặc biệt không thể tham gia thì phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định.

5. Đại diện Ủy ban nhân dân xã; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã được mời tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

6. Đại diện Công an xã, Ban Chỉ Huy Quân sự xã, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội xã, các cơ quan, tổ chức có liên quan có thể được mời tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã khi bàn về những nội dung có liên quan.

7. Ủy ban nhân dân xã, Ban của Hội đồng nhân dân xã, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm chuẩn bị các dự án, đề án, báo cáo thuộc nội dung chương trình phiên họp theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân xã hoặc theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Điều 9. Tiếp công dân của Thường trực HĐND xã

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã tiếp công dân thường xuyên tại nơi làm việc và phân công thành viên Thường trực HĐND xã tham gia tiếp công dân định kỳ của Hội đồng tiếp công dân xã.

2. Thường trực HĐND xã có trách nhiệm phân công để đại biểu HĐND xã tiếp công dân theo quy định.

3. Chủ tịch HĐND xã tiếp công dân mỗi tháng 01 lần, kết hợp với lịch tiếp công dân của Bí thư Đảng ủy.

Điều 10. Chương trình giám sát của TT HĐND xã

1. Thường trực HĐND xã quyết định chương trình giám sát hàng năm của mình căn cứ vào chương trình giám sát của HĐND xã và ý kiến của các thành viên

TT HĐND xã, đề nghị của các Ban HĐND, đại biểu HĐND xã, UBMTTQ xã và ý kiến, kiến nghị của cử tri trên địa bàn xã;

Chương trình giám sát hàng năm của TT HĐND xã được TT HĐND xã xem xét, quyết định chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp cuối năm trước của HĐND xã;

2. Căn cứ vào chương trình giám sát đã được thông qua, Thường trực HĐND xã phân công thành viên của TTHĐND xã thực hiện các nội dung của chương trình; giao các Ban của HĐND xã thực hiện một số nội dung thuộc chương trình và báo cáo kết quả với TT HĐND xã khi cần thiết;

3. Thường trực HĐND xã báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hàng năm của mình với HĐND xã vào kỳ họp giữa năm của năm sau.

Điều 11. Hoạt động giám sát của TT HĐND xã

1. Xem xét quyết định của UBND xã có dấu hiệu trái với Hiến pháp, Luật, các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và Nghị quyết HĐND xã;

2. Chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn trong thời gian giữa 02 kỳ họp;

3. Giám sát chuyên đề của TT HĐND xã;

4. Xem xét báo cáo kết quả giám sát của các Đoàn giám sát do TT HĐND thành lập;

5. Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND xã;

6. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân;

7. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri;

8. Giám sát việc thực hiện kết luận chất vấn tại kỳ họp HĐND xã;

9. Giám sát việc thực hiện kiến nghị sau giám sát chuyên đề của TT HĐND xã.

Điều 12. Công tác phối hợp của TT HĐND xã

1. TT HĐND xã giữ mối liên hệ với đại biểu Quốc hội, HĐND tỉnh và Tổ đại biểu HĐND Tỉnh ứng cử tại địa phương; với đại biểu HĐND xã; với UBND xã, MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn xã.

2. Phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQ xã trong công tác tiếp xúc cử tri và theo dõi, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Theo dõi đôn đốc việc giải quyết và báo cáo kết quả trước HĐND xã.

3. Chỉ đạo, điều hành phối hợp hoạt động của các Ban của HĐND xã; xem xét, cho ý kiến về chương trình, nội dung giám sát, báo cáo giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân xã; phân công Ban của Hội đồng nhân dân xã thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

4. Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã giải quyết những vấn đề phát sinh khi thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân; xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung những biện pháp nhằm bảo đảm thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân theo đề nghị của Ủy ban nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

5. Tổ chức đại biểu HĐND xã nghiên cứu, quán triệt các quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của HĐND, UBND và các văn bản pháp luật khác.

6. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện chính sách, chế độ đối với đại biểu HĐND xã.

Chương IV **CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ**

Điều 13. Ban của Hội đồng nhân dân xã

1. Ban của HĐND xã là cơ quan của HĐND xã, các Ban có nhiệm vụ và quyền hạn theo khoản 3 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; có nhiệm vụ thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình HĐND xã; Kiểm tra, giám sát những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách và các nhiệm vụ khác khi được HĐND, Thường trực HĐND xã phân công; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND xã.

2. Hội đồng nhân dân xã Quảng Châu khoá I, nhiệm kỳ 2021 – 2026 có 02 Ban gồm: Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hoá – Xã hội.

Ban của Hội đồng nhân xã gồm có 01 Trưởng ban, 01 Phó Trưởng ban chuyên trách và 05 ủy viên kiêm nhiệm.

3. Các thành viên của các Ban HĐND xã chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban trước HĐND xã và chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban của HĐND xã về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Ban phân công.

Điều 14. Lĩnh vực phụ trách của các Ban HĐND xã

1. Ban Kinh tế - ngân sách của HĐND xã chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực kinh tế, ngân sách, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, ở địa phương.

2. Ban Văn hoá – xã hội HĐND xã chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực thực thi Hiến pháp và pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thông tin, thể dục, thể thao, chính sách tôn giáo, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính ở địa phương.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban của Hội đồng nhân dân xã

1. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp của Hội đồng nhân dân xã trong lĩnh vực phụ trách.

2. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trong lĩnh vực phụ trách.

3. Giúp Hội đồng nhân dân xã giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân xã và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã trong các lĩnh vực phụ trách; giám sát việc thi hành Hiến pháp, Luật và các văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã.

4. Khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực phụ trách.

5. Báo cáo Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã kết quả hoạt động giám sát.

6. Chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã hoặc trước Thường trực Hội đồng nhân dân xã trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

Điều 16. Quan hệ phối hợp công tác của các Ban Hội đồng nhân dân xã

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân xã phối hợp công tác, trao đổi kinh nghiệm hoạt động về những vấn đề có liên quan.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm phối hợp công tác với các Ban của Hội đồng nhân tỉnh.

3. Ban của Hội đồng nhân dân xã cử thành viên tham gia hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân xã khi được yêu cầu.

Điều 17. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án của Ban của Hội đồng nhân dân xã

1. Ban của Hội đồng nhân dân xã cử thành viên tham gia nghiên cứu dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án; yêu cầu cơ quan soạn thảo và các cơ quan có liên quan cung cấp tài liệu, trình bày nội dung mà Ban thẩm tra; lấy ý kiến các cơ quan có liên quan khi cần thiết; khảo sát tình hình địa phương về những nội dung liên quan.

2. Trình tự thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án

a) Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình bày tóm tắt nội dung trình;

b) Đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan phát biểu ý kiến;

c) Các thành viên của Ban thảo luận, nêu những nội dung cơ quan trình dự thảo cần giải trình, tiếp thu;

d) Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án giải trình, tiếp thu;

đ) Chủ tọa thông qua dự thảo báo cáo thẩm tra và kết luận.

3. Báo cáo thẩm tra cần đánh giá sự phù hợp của dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nêu quan điểm, đề xuất phương án xử lý đối với những nội dung còn có ý kiến khác nhau.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban Hội đồng nhân dân xã

1. Trưởng Ban

a) Chỉ đạo, điều hành công việc của Ban; thay mặt Ban ký các văn bản do Ban phát hành;

b) Chỉ đạo chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và chủ trì cuộc họp của Ban, chỉ đạo công tác chuyên môn của Ban;

c) Giữ mối liên hệ với các thành viên của Ban và thay mặt Ban giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân xã và các Ban khác của Hội đồng nhân dân xã, các cơ quan đóng trên địa bàn xã;

d) Báo cáo kết quả hoạt động của Ban với Hội đồng nhân dân xã, với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã.

đ) Thay mặt Ban tham dự các cuộc họp bàn về lĩnh vực Ban phụ trách khi được Ủy ban nhân dân xã và cơ quan có liên quan mời;

e) Tổ chức hoạt động giám sát, khảo sát của Ban;

g) Trình bày báo cáo thẩm tra, báo cáo kết quả giám sát tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

2. Phó Trưởng Ban

a) Giúp Trưởng Ban thực hiện nhiệm vụ và được phân công phụ trách một số công việc của Ban; điều hành công việc của ban khi được Trưởng Ban ủy quyền;

b) Ký các văn bản của Ban và tổ chức hoạt động của Ban khi Trưởng Ban phân công;

c) Chủ động giải quyết công việc của Ban trong phạm vi thẩm quyền được phân công; định kỳ báo cáo Trưởng Ban.

Điều 19. Xây dựng và thực hiện chương trình công tác hàng năm

1. Căn cứ chương trình hoạt động của Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã chủ động xây dựng chương trình công tác hàng năm.

2. Ban của Hội đồng nhân dân xã họp ít nhất mỗi quý một lần để đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác của Ban, bàn công tác tháng, quý và phân công nhiệm vụ cho các uỷ viên. Thành viên của Ban tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban, trong trường hợp không thể tham dự được thì phải báo cáo với Trưởng Ban.

Điều 20. Hoạt động giám sát của các Ban của HĐND xã

1. Thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết, đề án do HĐND, Thường trực HĐND xã phân công;

2. Giám sát việc ban hành quyết định của UBND xã. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của HĐND xã;

3. Giám sát chuyên đề của các Ban của HĐND;

4. Xem xét báo cáo của Đoàn giám sát do các Ban thành lập;

5. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, các ý kiến, kiến nghị của công dân; việc thực hiện các nội dung đã hứa tại phiên họp chấn vấn của các tổ chức, cá nhân có liên quan;

6. Giám sát việc thực hiện kết luận sau giám sát chuyên đề của các Ban và của TT HĐND khi được phân công.

Chương V

ĐẠI BIỂU VÀ TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 21. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã

1. Đại biểu HĐND xã là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân trong xã, chịu trách nhiệm trước cử tri địa phương và trước HĐND xã về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình;

2. Đại biểu HĐND xã có trách nhiệm chấp hành tốt nội quy các kỳ họp, tham dự đầy đủ các kỳ họp cũng như phiên họp, phiên thảo luận của HĐND xã; dự cuộc họp các Ban của HĐND xã mà đại biểu là thành viên;

3. Đại biểu HĐND xã hoạt động không chuyên trách phải dành ít nhất 1/3 thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND xã;

Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân xã

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã; trường hợp không tham dự kỳ họp, phiên họp thì phải có lý do và phải báo cáo trước với Chủ tọa kỳ họp, phiên họp. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân xã không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do chính đáng thì Thường trực Hội đồng nhân dân xã phải báo cáo Hội đồng nhân dân xã để bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân đó.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã phải liên hệ chặt chẽ với cử tri nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu, chịu sự giám sát của cử tri, thường xuyên tiếp xúc với cử tri, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri với Hội đồng nhân dân, các cơ quan, tổ chức hữu quan; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri; phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã thực hiện tiếp công dân; tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định của pháp luật.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền đề xuất sáng kiến xây dựng chính sách ở địa phương; quyền kiến nghị Hội đồng nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân xã bầu, tổ chức phiên họp chuyên đề, phiên họp kín hoặc phiên họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất và kiến nghị về những vấn đề khác mà đại biểu thấy cần thiết.

6. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử vào các chức danh do Hội đồng nhân dân xã bầu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 36 của Luật tổ chức chính quyền địa phương 2025. Người được giới thiệu ứng cử có quyền rút khỏi danh sách những người ứng cử.

7. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, các thành viên khác của Ủy ban nhân dân xã, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã.

8. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật.

9. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

Điều 23. Hoạt động chất vấn của đại biểu HĐND xã

1. Đại biểu HĐND xã có quyền chất vấn trực tiếp tại kỳ họp HĐND, phiên họp Thường trực HĐND hoặc gửi chất vấn bằng văn bản đến người bị chất vấn

theo quy định tại khoản 1, điều 5 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND ngày 20/11/2015;

2. Trong thời gian HĐND xã họp, đại biểu HĐND xã gửi chất vấn đến Thường trực HĐND xã. Người bị chất vấn phải trả lời trước HĐND xã tại kỳ họp đó. Trong trường hợp cần điều tra, xác minh thì HĐND xã có thể quyết định cho trả lời tại kỳ họp sau hoặc trả lời bằng văn bản gửi đến đại biểu đã chất vấn và Thường trực HĐND xã;

3. Trong thời gian giữa 2 kỳ họp của HĐND xã, đại biểu HĐND xã gửi nội dung chất vấn đến Thường trực HĐND xã trước 10 ngày diễn ra kỳ họp để Thường trực HĐND xã chuyển đến người bị chất vấn và quyết định thời hạn trả lời chất vấn.

Điều 24. Hoạt động giám sát của đại biểu HĐND xã

1. Đại biểu HĐND xã giám sát thông qua các hoạt động sau:

a, Chất vấn những người bị chất vấn theo quy định tại mục đ, khoản 1, điều 5 của Luật giám sát của Quốc hội và HĐND gồm: Chủ tịch UBND xã, các Phó Chủ tịch UBND xã, Ủy viên UBND xã;

b, Giám sát quyết định của UBND xã;

c, Giám sát việc thi hành pháp luật tại địa phương;

d, Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

Điều 25. Hoạt động của Tổ đại biểu HĐND xã

1. Tổ đại biểu HĐND xã giám sát việc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, văn bản của cơ quan nhà nước và Nghị quyết của HĐND xã hoặc về các vấn đề do HĐND xã hoặc Thường trực HĐND xã phân công.

2. Tổ đại biểu HĐND xã có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến cho kỳ họp HĐND xã, đề xuất nội dung chất vấn và người bị chất vấn; tổ chức cho đại biểu HĐND xã tiếp xúc cử tri, thu thập, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri, tổng hợp các nội dung trên gửi về Thường trực HĐND xã trước 10 ngày diễn ra kỳ họp HĐND xã.

3. Thành viên tổ HĐND xã có nhiệm vụ tham dự đầy đủ các cuộc họp của tổ đại biểu, trong trường hợp không thể tham dự được thì đại biểu phải báo cáo với tổ trưởng tổ đại biểu; các cuộc họp của tổ đại biểu HĐND xã phải được ghi thành biên bản và gửi đến Thường trực HĐND xã.

Chương VI

KỲ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 26. Kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. HĐND xã họp thường lệ mỗi năm 02 kỳ vào cuối tháng 6 và cuối tháng 12 hàng năm.

2. HĐND họp bất thường khi Thường trực HĐND xã, Chủ tịch UBND xã hoặc ít nhất 1/3 tổng số đại biểu HĐND xã yêu cầu, hoặc khi có đủ 10% cử tri trở lên làm đơn yêu cầu theo quy định.

3. HĐND họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, HĐND xã họp kín theo đề nghị của Thường trực HĐND xã, Chủ tịch UBND xã hoặc 1/3 tổng số đại biểu HĐND xã.

4. Thường trực HĐND quyết định triệu tập kỳ họp thường lệ chậm nhất là 20 ngày và kỳ họp bất thường chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

Điều 27. Trách nhiệm chuẩn bị kỳ họp

1. Thường trực HĐND xã có trách nhiệm:

Chủ trì, phối hợp với UBND xã, các Ban của HĐND xã, UBMTTQ xã và các tổ chức có liên quan để dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp, dự thảo nghị quyết, báo cáo trình HĐND xã và công tác chuẩn bị kỳ họp theo quy định của pháp luật. Cụ thể:

a, Chậm nhất 45 ngày trước ngày tiến hành kỳ họp thường lệ, TT HĐND chủ trì họp với UBND xã, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc xã (UBMTTQ), các Ban của HĐND và các tổ chức có liên quan để dự kiến nội dung kỳ họp, những vấn đề khác có liên quan đến kỳ họp và giao cho các tổ chức, ban, ngành, tổ chức chuẩn bị;

b, Quyết định triệu tập kỳ họp Hội đồng nhân dân, công bố dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ và 7 ngày đối với kỳ họp chuyên đề (đột xuất);

c, Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, dự thảo Nghị quyết, các báo cáo, tờ trình, đề án trình HĐND xã tại kỳ họp phải được gửi tới Thường trực HĐND, các Ban của HĐND xã;

d, Chậm nhất 7 ngày trước ngày khai mạc, TTHĐND chuyển bản tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và các nội dung chất vấn tại kỳ họp đến UBND xã và các tổ chức, ban, ngành có liên quan để nghiên cứu trả lời, giải trình và trả lời chất vấn trước HĐND xã tại kỳ họp;

đ, Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ hoặc 03 ngày trước kỳ họp chuyên đề, TT HĐND xã thông báo thời gian, địa điểm và dự kiến chương trình kỳ họp trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương;

e, Chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, TTHĐND xã gửi đến đại biểu HĐND xã dự thảo Nghị quyết, các báo cáo, tờ trình, đề án trình HĐND xã, báo cáo thẩm tra của các Ban của HĐND và các tài liệu cần thiết khác

g, Chỉ đạo Văn phòng HĐND - UBND xã trong công tác tham mưu, chuẩn bị các điều kiện phục vụ kỳ họp và đôn đốc các tổ chức, đơn vị có liên quan gửi tài liệu phục vụ kỳ họp theo quy định.

2. Các Ban của HĐND xã có trách nhiệm

a, Báo cáo tình hình và kết quả hoạt động của Ban định kỳ 6 tháng, báo cáo công tác năm;

b, Đề xuất Thường trực HĐND xã các nội dung thuộc lĩnh vực Ban mình phụ trách;

c, Căn cứ Thông báo của Thường trực HĐND xã về dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp để chuẩn bị các văn bản, tài liệu thuộc lĩnh vực của Ban mình phụ trách để phục vụ kỳ họp;

d, Tổ chức thẩm tra các Báo cáo, tờ trình, dự thảo Nghị quyết trình tại kỳ họp theo sự phân công của Thường trực HĐND xã; Báo cáo kết quả thẩm tra đến TT HĐND xã chậm nhất 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND;

đ, Tổ chức họp Ban để lấy ý kiến đóng góp và đề xuất nội dung chất vấn của các thành viên của Ban, chuyển đến Thường trực HĐND xã chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp. Phân công thành viên của Ban theo dõi, giám sát việc trả lời chất vấn tại kỳ họp thuộc lĩnh vực mình phụ trách.

3. Đại biểu HĐND xã có trách nhiệm

a, Tích cực nghiên cứu và tham gia ý kiến vào dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp, đề xuất đưa vào chương trình kỳ họp các nội dung cấp bách, bức xúc tại địa phương; Phối hợp Ban công tác mặt trận xóm tổ chức tiếp xúc cử tri theo lịch của UBNDTTQ xã, báo kết quả tiếp xúc cử tri về TT HĐND xã chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp;

b, Thu thập ý kiến, kiến nghị, nguyện vọng của cử tri về những vấn đề thuộc nội dung chương trình kỳ họp và những ý kiến kiến nghị của cử tri đối với HĐND xã và các tổ chức, đơn vị trên địa bàn;

c, Chủ động nghiên cứu tài liệu phục vụ kỳ họp, tích cực chuẩn bị các nội dung để tham gia thảo luận tại kỳ họp và đề xuất nội dung chất vấn tại kỳ họp để tổng hợp chuyển đến Thường trực HĐND xã.

4. UBND xã và các tổ chức, ban ngành có liên quan

Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, UBND xã và các tổ chức, ban ngành trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án gửi đến các Ban của Hội đồng nhân dân xã được phân công để thẩm tra.

Trường hợp các báo cáo, đề án, tờ trình dự thảo nghị quyết gửi chậm thời gian quy định (*trừ trường hợp đặc biệt do Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định*), các Ban Hội đồng nhân dân xã có quyền từ chối thẩm tra, đồng thời báo cáo để kỳ họp Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định.

5. Văn phòng HĐND - UBND xã có trách nhiệm

Văn phòng HĐND - UBND xã là cơ quan tham mưu, giúp việc phục vụ hoạt động của HĐND và UBND xã. Phối hợp với TT HĐND xã trong công tác chuẩn bị cho các kỳ họp của HĐND xã, TT HĐND xã;

Có trách nhiệm gửi giấy mời cho các thành phần mời tham dự kỳ họp.

Bố trí Hội trường, loa đài, ma kết, chè nước phục vụ kỳ họp.

Điều 28. Khách mời tham dự kỳ họp HĐND xã

1. Thường trực HĐND xã có trách nhiệm gửi những văn bản cần thiết có liên quan đến kỳ họp tới đại biểu HĐND Tỉnh được bầu tại địa phương và đại diện lãnh đạo HĐND Tỉnh.

2. Các cán bộ, công chức xã, các tổ chức đoàn thể không phải là đại biểu HĐND xã được mời tham dự các kỳ họp của HĐND xã; có trách nhiệm tham dự các phiên họp toàn thể của HĐND xã khi thảo luận về những vấn đề có liên quan đến ngành, lĩnh vực mà mình phụ trách. Người được mời tham dự kỳ họp được phát biểu ý kiến về vấn đề thuộc ngành, lĩnh vực mà mình phụ trách nếu được chủ tọa phiên họp đồng ý hoặc có trách nhiệm phát biểu theo yêu cầu của HĐND xã hoặc Chủ tọa phiên họp.

3. Đại diện lực lượng vũ trang nhân dân (QS,CA), các cơ quan Nhà nước, các trường, Trạm y tế, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, báo cáo viên, đài truyền thanh được mời dự các phiên họp công khai của HĐND xã.

4. Đại diện các đơn vị xóm, khối được mời dự các phiên họp công khai của HĐND xã.

Điều 29. Tổ chức, điều hành kỳ họp

Chủ tịch HĐND khai mạc và bế mạc kỳ họp, chủ tọa điều hành phiên họp HĐND đảm bảo thực hiện chương trình, nội dung kỳ họp và những quy định về kỳ họp HĐND xã. Phó Chủ tịch HĐND xã giúp Chủ tịch HĐND trong việc điều hành phiên họp theo sự phân công của Chủ tịch HĐND xã.

Điều 30. Nội dung kỳ họp HĐND xã

1. Tại kỳ họp thường lệ, HĐND xã quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 21 và 34 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025QH15; nghe TT HĐND xã báo cáo kết quả hoạt động của Thường trực và các Ban của HĐND xã, thông báo kết quả thực hiện chương trình và kế hoạch giám sát; nghe các báo cáo của UBND xã về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của HĐND xã, kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri; nghe UBMTTQ xã thông báo công tác tham gia xây dựng chính quyền và những ý kiến, kiến nghị của cử tri; Xem xét việc trả lời chất vấn và các Tờ trình của UBND xã.

2. Kỳ họp cuối nhiệm kỳ được tiến hành chậm nhất 30 ngày trước ngày bầu cử đại biểu HĐND xã khóa mới. Tại kỳ họp này, ngoài các báo cáo như kỳ họp thường lệ, HĐND, TT HĐND, các Ban của HĐND xã, UBND xã báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ hoạt động của mình.

Điều 31. Trình tự phát biểu ý kiến của đại biểu HĐND xã tại phiên họp toàn thể.

1. Đại biểu HĐND xã đăng ký phát biểu, Chủ tọa kỳ họp mời từng đại biểu lên phát biểu. *(Đại biểu mời được phát biểu tại phiên họp toàn thể chỉ phát biểu tại phiên họp thảo luận tại tổ).*

2. Đại biểu HĐND phát biểu tập trung vào vấn đề đang thảo luận, không phát biểu quá 02 lần về một vấn đề; Thời gian phát biểu không quá 7 phút/lần. Trong trường hợp HĐND xã cần thảo luận thêm thì thời gian và số lần phát biểu do Chủ tọa kỳ họp quyết định.

3. Trường hợp đại biểu HĐND xã đã đăng ký mà chưa được phát biểu hoặc phát biểu nhưng chưa hết ý kiến do thời gian phát biểu đã hết thì ghi lại ý kiến của mình và chuyển cho thư ký kỳ họp để tổng hợp.

Điều 32. Biểu quyết tại phiên họp toàn thể của HĐND xã

1. HĐND xã quyết định các vấn đề tại phiên họp toàn thể bằng hình thức biểu quyết. Đại biểu HĐND xã có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết.

2. HĐND xã quyết định áp dụng một trong các hình thức biểu quyết sau đây:

a, Biểu quyết công khai (bằng hình thức dơ tay)

b, Bỏ phiếu kín.

3. Nghị quyết của HĐND xã được thông qua khi có quá nửa tổng số đại biểu tham dự kỳ họp tán thành; riêng Nghị quyết về bãi nhiệm đại biểu HĐND xã được thông qua khi có ít nhất 2/3 tổng số đại biểu HĐND xã tham dự kỳ họp biểu quyết tán thành.

4. Trường hợp cần biểu quyết lại một vấn đề đã được HĐND xã biểu quyết thông qua thì Chủ tọa kỳ họp tự mình hoặc theo đề nghị của đại biểu HĐND xã, ban ngành, tổ chức trình dự thảo Nghị quyết, báo cáo, tờ trình trình HĐND xã xem xét, quyết định việc biểu quyết lại.

Điều 33. Nhiệm vụ của thư ký kỳ họp HĐND xã

1. Lập danh sách đại biểu HĐND xã có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp.
2. Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp.
3. Theo dõi việc phát biểu của các đại biểu HĐND xã trong các kỳ họp, tổng hợp báo cáo số lần phát biểu của các đại biểu HĐND xã cho TT HĐND và HĐND xã.
4. Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến phát biểu của đại biểu HĐND xã tại phiên họp toàn thể.
5. Tham mưu cho chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện các quy trình, thủ tục tại kỳ họp.
6. Trình bày dự thảo Nghị quyết trước khi HĐND xã biểu quyết thông qua.
7. Giúp chủ tọa kỳ họp cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp.

Điều 34. Trình tự thông qua dự thảo Nghị quyết, báo cáo, tờ trình, đề án tại kỳ họp HĐND.

1. Đại diện cơ quan, tổ chức trình báo cáo, đề án, tờ trình trình bày trước HĐND xã.
2. Các Ban của HĐND xã được giao thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra.
3. HĐND xã thảo luận
4. Trong quá trình thảo luận tại phiên họp, chủ tọa có thể nêu những vấn đề còn có ý kiến khác nhau để HĐND xã xem xét, quyết định. Khi xét thấy cần thiết, HĐND xã yêu cầu các tổ chức, ban ngành báo cáo giải trình về những vấn đề mà đại biểu HĐND quan tâm.
5. HĐND xã biểu quyết thông qua dự thảo Nghị quyết, đề án, báo cáo bằng cách biểu quyết từng vấn đề, sau đó biểu quyết toàn bộ hoặc biểu quyết toàn bộ một lần.

Điều 35. Ban hành Nghị quyết, đề án, báo cáo của kỳ họp

1. Nghị quyết của HĐND xã do Chủ tịch HĐND xã hoặc chủ tọa kỳ họp ký chứng thực;
2. Biên bản kỳ họp HĐND xã do Chủ tịch HĐND xã hoặc chủ tọa kỳ họp ký tên;
3. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp, Thường trực HĐND xã gửi Nghị quyết của HĐND xã lên Thường trực HĐND Tỉnh; Nghị quyết HĐND xã được gửi đến các tổ chức, ban ngành, đơn vị để thực hiện; đến đại biểu HĐND xã để theo dõi, giám sát và đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương và lưu trữ theo quy định.

Điều 36. Tài liệu lưu hành tại kỳ họp HĐND

1. Chủ tịch HĐND xã quyết định những tài liệu được lưu hành tại kỳ họp của HĐND xã;

2. Tài liệu kỳ họp HĐND xã phải được gửi đến đại biểu HĐND xã chậm nhất là 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

3. Đại biểu HĐND xã có trách nhiệm thực hiện quy định về sử dụng, bảo quản tài liệu trong kỳ họp; không được tiết lộ nội dung tài liệu mật, nội dung các phiên họp kín của HĐND xã;

4. Nghị quyết, văn bản, các tài liệu khác của mỗi kỳ họp HĐND xã được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Chương VII

ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

TIẾP XÚC CỬ TRI VÀ TIẾP CÔNG DÂN

MỤC 1.

ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TIẾP XÚC CỬ TRI

Điều 37. Trách nhiệm tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân xã

Đại biểu Hội đồng nhân dân xã phải liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri; có trách nhiệm tiếp xúc, tiếp thu, phản ánh trung thực, trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri; ít nhất mỗi năm một lần báo cáo cử tri kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 38. Tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp

1. Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp xúc cử tri.

Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã tổng hợp báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri gửi Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

2. Chậm nhất 15 ngày sau ngày bế mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp xúc cử tri.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có thể thông qua Ban công tác mặt trận xóm hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để được hỗ trợ tổ chức tiếp xúc cử tri tại nơi cư trú, nơi làm việc.

Điều 39. Kế hoạch tiếp xúc cử tri

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã xây dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri hàng năm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã gửi kế hoạch tiếp xúc cử tri đến Ủy ban nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã, đồng thời thông báo cho Ban cán sự xóm, Ban Công tác Mặt trận xóm, đơn vị nơi tiếp xúc cử tri để thực hiện.

Điều 40. Nội dung, trình tự tại Hội nghị tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Trưởng ban công tác Mặt trận xóm chủ trì hội nghị, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, chương trình nội dung hội nghị và cử thư ký ghi biên bản hội nghị.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã báo cáo: Chương trình, nội dung kỳ họp đối với hội nghị tiếp xúc trước kỳ họp; kết quả kỳ họp, phổ biến, giải thích, vận động nhân dân thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã và kết quả giải quyết ý kiến kiến nghị của cử tri đối với hội nghị tiếp xúc cử tri sau kỳ họp; báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của xã.

3. Cử tri phát biểu ý kiến.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã phát biểu giải trình, tiếp thu ý kiến, kiến nghị của cử tri.

5. Kết thúc hội nghị tiếp xúc cử tri.

Điều 41. Phân loại ý kiến, kiến nghị cử tri

1. Trong vòng 02 ngày sau tiếp xúc cử tri, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã chủ trì, phối hợp với Ban công tác Mặt trận nơi đại biểu được mời chuẩn bị báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri gửi Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

2. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã phân loại ý kiến, kiến nghị của cử tri: Tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan Trung ương, các cơ quan cấp tỉnh, các cơ quan cấp xã gửi Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã;

MỤC 2.

ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TIẾP CÔNG DÂN

Điều 42. Trách nhiệm tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân xã

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp công dân.

2. Tổ trưởng các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã phân công đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp công dân tại nơi thực hiện nhiệm vụ đại biểu báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi đại biểu Hội đồng nhân dân xã công tác tạo điều kiện để đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp công dân, nhận đơn, chuyển đơn, đơn đốc, theo dõi việc giải quyết khiếu nại tố cáo, kiến nghị của công dân.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp công dân để tiếp thu ý kiến, kiến nghị của công dân, giải thích, tuyên truyền chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; hướng dẫn giúp đỡ công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, nhận đơn thư của công dân chuyển tổ chức, cá nhân liên quan giải quyết, trả lời.

Điều 43. Tổng hợp, đơn đốc việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã nghiên cứu, kịp thời chuyển kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân đến tổ chức, cá nhân liên quan và thông báo cho công dân biết; đơn đốc, theo dõi và giám sát việc giải quyết, trả lời. Tổ chức, cá

nhân có liên quan giải quyết, thông báo kết quả cho đại biểu Hội đồng nhân dân xã đúng thời hạn.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã khi xét thấy việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị trái pháp luật có quyền gặp người đứng đầu tổ chức, cá nhân có liên quan tìm hiểu, yêu cầu xem xét, giải quyết lại.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã tổng hợp ý kiến, kiến nghị, đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân xã giúp Hội đồng nhân dân xã xem xét, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân, phản ánh của các cơ quan thông tin đại chúng.

Chương VIII

GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 44. Hoạt động giám sát của HĐND xã

1. HĐND xã thực hiện quyền giám sát của mình tại kỳ họp HĐND xã và các hoạt động giám sát của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các đại biểu HĐND xã;

2. HĐND xã thực hiện quyền giám sát thông qua các hoạt động sau:

a, Xem xét báo cáo công tác của Thường trực HĐND, UBND và các báo cáo khác theo quy định tại Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND ngày 20/11/2015, và các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành các bộ luật, các văn bản pháp luật có liên quan;

b, Xem xét việc trả lời chất vấn của Chủ tịch UBND xã, các thành viên của UBND xã;

c, Xem xét quyết định của UBND xã, Nghị quyết của HĐND xã có dấu hiệu trái với Hiến pháp, Luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

d, Giám sát chuyên đề;

đ, Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu;

e, Giám sát những nội dung cụ thể khi xét thấy cần thiết và xem xét kết quả giám sát của các đoàn giám sát.

Điều 45. Chương trình giám sát của HĐND xã

1. Thường trực HĐND xã dự kiến chương trình giám sát hàng năm của Hội đồng nhân dân xã trên cơ sở đề nghị của các Ban của HĐND, đại biểu HĐND, Ban Thường trực UBMTTQ xã và kiến nghị của cử tri trình HĐND xã xem xét, quyết định tại kỳ họp giữa năm của năm trước;

Chậm nhất là ngày 01 tháng 03 của năm trước, các Ban của HĐND xã, đại biểu HĐND xã, Ban Thường trực UBMTTQ xã và cử tri gửi đề nghị, kiến nghị giám sát của HĐND xã đến Thường trực HĐND xã. Đề nghị, kiến nghị giám sát phải nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát;

Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND giữa năm, TT HĐND xã thảo luận và lập dự kiến chương trình giám sát của HĐND năm sau để trình HĐND xem xét, quyết định;

2. Hội đồng nhân dân xã quyết định chương trình giám sát hàng năm. Thường trực HĐND xã ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình giám sát của HĐND xã và báo cáo kết quả thực hiện vào kỳ họp giữa năm sau của HĐND xã.

Điều 46. Xem xét báo cáo

1. Hội đồng nhân dân xã xem xét các báo cáo

a) Báo cáo công tác 06 tháng, hằng năm của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã;

b) Báo cáo công tác nhiệm kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã;

c) Báo cáo của Ủy ban nhân dân xã về: Kinh tế - xã hội; dự toán thu chi ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách địa phương; quyết toán ngân sách nhà nước của xã; công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri;

d) Báo cáo về việc thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;

đ) Các báo cáo theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

2. Thời điểm xem xét các báo cáo

a) Tại kỳ họp thường lệ hàng năm: Xem xét các báo cáo theo quy định tại Điểm a và c, Khoản 1 Điều này;

b) Tại kỳ họp cuối nhiệm kỳ: Xem xét các báo cáo theo quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều này;

c) Thời điểm xem xét các báo cáo theo quy định tại Điểm d và đ, Khoản 1 Điều này thực hiện theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

3. Các Ban của Hội đồng nhân dân xã thẩm tra các báo cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều này, trừ báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã.

4. Hội đồng nhân dân xã xem xét các báo cáo theo trình tự sau đây:

a) Người đứng đầu cơ quan báo cáo trình bày;

b) Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân xã trình bày báo cáo thẩm tra;

c) Người đứng đầu cơ quan báo cáo có bổ sung những nội dung có liên quan mà Hội đồng nhân dân xã quan tâm;

d) Hội đồng nhân dân xã thảo luận.

5. Hội đồng nhân dân xã có thể ban hành nghị quyết về công tác của cơ quan báo cáo gồm những nội dung cơ bản sau đây:

a) Đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân của hạn chế, tồn tại; trách nhiệm của cơ quan báo cáo và người đứng đầu;

b) Thời hạn khắc phục hạn chế, tồn tại;

c) Trách nhiệm thi hành của tổ chức, cá nhân;

d) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết giám sát.

Điều 47. Chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Trước phiên họp chất vấn các Ban của HĐND xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã đề xuất nội dung chất vấn, người bị chất vấn và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

2. Căn cứ vào chương trình kỳ họp, ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề xã hội quan tâm và nội dung đề xuất chất vấn của các Ban của HĐND, đại biểu Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn trước kỳ họp.

3. Hoạt động chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã được thực hiện theo trình tự sau đây:

a, Đại biểu Hội đồng nhân dân xã nêu chất vấn (đã được tổng hợp từ Ban tổ chức hoặc chủ tọa kỳ họp nêu vấn đề), có thể cung cấp thông tin minh họa bằng hình ảnh, video, vật chứng cụ thể. Nội dung chất vấn phải cụ thể, rõ ràng, có căn cứ và phải liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người bị chất vấn.

b, Người bị chất vấn phải trả lời trực tiếp, đầy đủ vào vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân xã đã chất vấn, không được ủy quyền cho người khác trả lời thay; xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập.

c, Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân xã không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền chất vấn lại để người bị chất vấn trả lời.

d, Những người khác có thể được mời tham dự phiên họp và trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân xã về vấn đề thuộc trách nhiệm của mình.

Thời gian nêu nội dung chất vấn không quá 03 phút, thời gian trả lời chất vấn về từng vấn đề không quá 7 phút, trừ trường hợp đặc biệt do chủ tọa kỳ họp quyết định.

4. Hội đồng nhân dân xã cho trả lời chất vấn bằng văn bản trong các trường hợp sau đây:

- a, Chất vấn không thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp;
- b, Vấn đề chất vấn cần được điều tra, xác minh;
- c, Chất vấn thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp nhưng chưa được trả lời tại kỳ họp.

Người bị chất vấn phải trực tiếp trả lời bằng văn bản. Văn bản trả lời chất vấn được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân xã đã chất vấn và Thường trực Hội đồng nhân dân xã trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày chất vấn.

Sau khi nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu đại biểu Hội đồng nhân dân xã không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền đề nghị Hội đồng nhân dân xã đưa ra thảo luận tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã hoặc kiến nghị Hội đồng nhân dân xã xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

5. Hội đồng nhân dân xã có thể ra Nghị quyết về chất vấn.

6. Phiên họp chất vấn tại Hội đồng nhân dân xã được phát thanh trực tiếp, trừ trường hợp do Hội đồng nhân dân xã quyết định.

7. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, người đã trả lời chất vấn có trách nhiệm gửi báo cáo về việc thực hiện nghị quyết

của Hội đồng nhân dân xã về chất vấn, các vấn đề đã hứa tại kỳ họp trước đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã để chuyển đến các đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

Điều 48. Giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân xã

1. Hội đồng nhân dân xã ban hành nghị quyết thành lập đoàn giám sát chuyên đề theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân xã; xác định rõ đối tượng, phạm vi, nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần đoàn giám sát và tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Đoàn giám sát do Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã làm trưởng đoàn, các thành viên khác gồm Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân xã, đại diện Ban của Hội đồng nhân dân xã và một số đại biểu Hội đồng nhân dân xã. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, tổ chức thành viên của Mặt trận có thể được mời tham gia đoàn giám sát.

2. Đoàn giám sát có nhiệm vụ, quyền hạn:

- a) Xây dựng đề cương báo cáo giám sát;
- b) Thông báo nội dung, kế hoạch, đề cương báo cáo cho tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày thành lập đoàn giám sát; thông báo chương trình, thành phần đoàn giám sát chậm nhất là 10 ngày trước ngày đoàn bắt đầu làm việc với tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát;
- c) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát;
- d) Yêu cầu tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình vấn đề mà đoàn giám sát quan tâm;
- đ) Xem xét, xác minh, xin ý kiến chuyên gia về nội dung mà đoàn giám sát thấy cần thiết;
- e) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đoàn giám sát có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của tổ chức, cá nhân vi phạm;
- g) Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát cho Thường trực Hội đồng nhân dân xã, sau đó báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.

3. Hội đồng nhân dân xã xem xét báo cáo giám sát theo trình tự sau đây:

- a) Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát;
- b) Đại diện tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo, giải trình;
- c) Hội đồng nhân dân xã thảo luận.

Trong quá trình thảo luận, đoàn giám sát có thể trình bày bổ sung những nội dung liên quan;

d) Hội đồng nhân dân xã ban hành nghị quyết giám sát gồm những nội dung cơ bản sau đây:

- Đánh giá những kết quả đạt được, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và người đứng đầu tổ chức có liên quan;

- Thời gian khắc phục hạn chế, tồn tại;
- Trách nhiệm thi hành của tổ chức, cá nhân;
- Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết.

4. Nghị quyết giám sát được gửi cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 49. Hội đồng nhân dân xã lấy phiếu tín nhiệm

1. Hội đồng nhân dân xã lấy phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ sau đây:

- a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân xã;
- b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Ủy viên Ủy ban nhân dân xã.

2. Kỳ họp Hội đồng nhân dân xã thực hiện lấy phiếu tín nhiệm theo trình tự sau đây:

- a) Thường trực Hội đồng nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã quyết định danh sách những người được lấy phiếu tín nhiệm;
- b) Hội đồng nhân dân xã lấy phiếu tín nhiệm bằng cách bỏ phiếu kín;
- c) Thường trực Hội đồng nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã thông qua nghị quyết xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm.

3. Người được lấy phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã đánh giá tín nhiệm thấp thì có thể xin từ chức.

Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã trở lên đánh giá tín nhiệm thấp thì Thường trực Hội đồng nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã bỏ phiếu tín nhiệm.

4. Thời hạn, thời điểm, trình tự lấy phiếu tín nhiệm đối với người được Hội đồng nhân dân xã bầu thực hiện theo Nghị quyết của Quốc hội.

Điều 50. Hội đồng nhân dân xã bỏ phiếu tín nhiệm

1. Hội đồng nhân dân xã bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân xã bầu trong các trường hợp sau đây:

- a) Khi có kiến nghị của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã;
- b) Khi có kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã;
- c) Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã trở lên đánh giá tín nhiệm thấp.

2. Kỳ họp Hội đồng nhân dân xã thực hiện bỏ phiếu tín nhiệm theo trình tự sau đây:

- a) Thường trực Hội đồng nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã bỏ phiếu tín nhiệm;
- b) Người được đưa ra bỏ phiếu tín nhiệm trình bày ý kiến;
- c) Hội đồng nhân dân xã thảo luận;
- d) Hội đồng nhân dân xã bỏ phiếu tín nhiệm bằng cách bỏ phiếu kín;
- đ) Thường trực Hội đồng nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã thông qua nghị quyết xác nhận kết quả bỏ phiếu tín nhiệm.

3. Người được bỏ phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã không tín nhiệm thì có thể xin từ chức; trường hợp không từ chức thì cơ quan hoặc người có thẩm quyền giới thiệu người đó để Hội đồng nhân dân xã bầu có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người đó.

4. Trình tự bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân xã bầu thực hiện theo nghị quyết của Quốc hội.

Điều 51. Thẩm quyền của HĐND xã trong việc xem xét kết quả giám sát

Căn cứ vào kết quả giám sát, HĐND xã có thẩm quyền:

1. Yêu cầu UBND xã, Chủ tịch UBND xã ban hành văn bản để thi hành Hiến pháp, Luật và Nghị quyết của HĐND xã;

2. Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản của UBND xã, Chủ tịch UBND xã trái với Hiến pháp, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và Nghị quyết của HĐND xã;

3. Ra Nghị quyết về trả lời chất vấn và trách nhiệm của người trả lời chất vấn khi thấy cần thiết;

4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐND xã, Phó Chủ tịch HĐND xã, Trưởng, phó Trưởng các Ban của HĐND xã; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã và các ủy viên UBND xã;

Chương IX

QUAN HỆ GIỮA THƯỜNG TRỰC, CÁC BAN HĐND XÃ VỚI UBND XÃ.

Điều 52. Nguyên tắc và phạm vi phối hợp

Thường trực HĐND xã, các Ban của HĐND xã phối hợp chặt chẽ với UBND xã, các bộ phận chuyên môn của UBND xã trong việc chuẩn bị dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp HĐND xã, xây dựng chính sách, dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề án trình HĐND xã; giải quyết những vấn đề phát sinh khi thực hiện Nghị quyết của HĐND xã về nhiệm vụ phát triển KT-XH, quản lý ngân sách ở địa phương; tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND trong thời gian giữa 2 kỳ họp.

Điều 53. Hình thức phối hợp

1. Đại diện Thường trực HĐND xã được mời dự các cuộc họp hàng tháng và các cuộc họp khác của UBND xã bàn việc thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH, quản lý ngân sách địa phương và các nhiệm vụ khác, các cuộc họp tổng kết công tác của các bộ phận chuyên môn thuộc UBND xã;

Đại diện các Ban của HĐND xã được mời tham dự các cuộc họp của UBND xã, các bộ phận chuyên môn thuộc UBND xã về những vấn đề liên quan thuộc lĩnh vực Ban phụ trách;

2. Đại diện UBND xã được mời dự các phiên họp thường kỳ và các cuộc họp khác của Thường trực HĐND xã khi xét thấy cần thiết. Thủ trưởng cơ quan của UBND xã được mời dự phiên họp thường kỳ hàng tháng, các cuộc họp khác của Thường trực HĐND xã về những vấn đề có liên quan;

Đại diện UBND xã, các bộ phận chuyên môn của UBND xã được mời dự các cuộc họp của các Ban của HĐND xã về những vấn đề có liên quan.

Điều 54. Phối hợp cung cấp thông tin

1. UBND xã có trách nhiệm cung cấp cho Thường trực HĐND, các Ban của HĐND xã các văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành;

2. UBND xã, các bộ phận chuyên môn thuộc UBND xã có trách nhiệm báo cáo và cung cấp các tài liệu có liên quan khi có yêu cầu của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND xã.

Chương X

QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VỚI ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC THÀNH VIÊN CỦA MẶT TRẬN

Điều 55. Hình thức phối hợp

1. Quan hệ giữa HĐND xã với UBMTTQ xã và các tổ chức thành viên của Mặt trận là quan hệ phối hợp, tạo điều kiện để cùng thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật;

2. Mỗi năm 02 lần vào giữa năm và cuối năm, Thường trực HĐND xã thông báo bằng văn bản đến UBMTTQ xã về tình hình tổ chức và hoạt động của HĐND xã, nêu những kiến nghị (nếu có) với UBMTTQ xã;

Đại diện Thường trực UBMTTQ xã được mời dự kỳ họp thường lệ của HĐND xã để Thông báo về hoạt động của MTTQ xã tham gia xây dựng chính quyền, ý kiến, kiến nghị của nhân dân; đề xuất, kiến nghị với HĐND, UBND xã những vấn đề cần thiết;

Đại diện Thường trực HĐND xã được mời dự các cuộc họp của Ban Thường trực UBMTTQ xã.

Điều 56. Nội dung phối hợp.

1. Thường trực HĐND xã chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQ xã xây dựng kế hoạch, tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND xã; Tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri;

2. Thường trực HĐND xã phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQ xã, các tổ chức thành viên của Mặt trận theo dõi hoạt động của đại biểu HĐND xã và giúp đại biểu HĐND xã làm nhiệm vụ đại biểu;

UBMTTQ xã và các tổ chức thành viên của Mặt trận thường xuyên giám sát tiêu chuẩn đại biểu và việc thực hiện nhiệm vụ của đại biểu HĐND xã;

3. UBMTTQ xã đề nghị HĐND xã bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND bầu; đề nghị bãi nhiệm đại biểu HĐND xã theo quy định của pháp luật.

4. Thường trực HĐND xã, các Ban của HĐND xã mời đại diện Ban Thường trực UBMTTQ xã, các tổ chức thành viên của Mặt trận tham gia hoạt động giám sát, khảo sát và một số hoạt động khác của HĐND xã, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND xã khi xét thấy cần thiết; Phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQ xã trong việc lấy ý kiến nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và những vấn đề quan trọng ở địa phương.

Chương XI

NHỮNG ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND XÃ

Điều 57. Kinh phí hoạt động của HĐND xã

Kinh phí hoạt động của HĐND xã là một khoản trong ngân sách địa phương do HĐND xã quyết định theo đề nghị của Thường trực HĐND xã và thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và của Chính phủ.

Điều 58. Chế độ, chính sách đối với đại biểu HĐND xã

1. Tiền lương

a, Đại biểu HĐND xã hoạt động chuyên trách là cán bộ, công chức cơ quan nhà nước thuộc đối tượng áp dụng Luật cán bộ, công chức được trả lương, phụ cấp và các chế độ khác từ ngân sách nhà nước theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các quy định khác của pháp luật;

b, Đối với đại biểu HĐND xã hoạt động không chuyên trách đang làm việc ở cơ quan, tổ chức, đơn vị trong thời gian thực hiện nhiệm vụ đại biểu được đảm bảo trả lương, phụ cấp, các chế độ khác theo quy định.

c, Đại biểu HĐND xã hoạt động không chuyên trách mà không phải là người hưởng lương (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ bảo hiểm xã hội thì được chi trả tiền công lao động 0,10 mức lương cơ sở/ngày theo ngày thực hiện nhiệm vụ đại biểu HĐND xã.

Ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu HĐND xã là ngày tham gia các hoạt động của HĐND xã theo chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐND xã.

2. Về hoạt động phí

Đại biểu HĐND xã (bao gồm cả đại biểu hoạt động chuyên trách và hoạt động không chuyên trách) được hưởng hoạt động phí hàng tháng là 0,3 mức lương cơ sở.

3. Các chế độ, chính sách khác

Đại biểu HĐND xã được hưởng các chế độ, chính sách khác theo quy định tại Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về Quy định một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Điều 59. Chế độ khen thưởng, kỷ luật

1. Đại biểu HĐND xã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xét khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng;

2. Đại biểu HĐND xã là cán bộ, công chức nhà nước vi phạm kỷ luật phải xử lý buộc thôi việc, cách chức hoặc tạm đình chỉ công tác thì cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trước khi ra quyết định kỷ luật phải thông báo bằng văn bản đến Thường trực HĐND xã;

Đại biểu HĐND xã là cán bộ, công chức nhà nước chuyển công tác ra khỏi địa phương khi có quyết định chuyển chuyên, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải báo cáo Thường trực HĐND xã. Thường trực HĐND xã báo cáo HĐND xã và thông báo với Ban Thường trực UBMTTQ xã, cử tri nơi bầu ra đại biểu HĐND đó biết việc chuyển công tác của đại biểu.

3. Định kỳ hàng năm, Thường trực HĐND xã đánh giá kết quả hoạt động của đại biểu HĐND xã.

Điều 60. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực HĐND xã, các Ban của HĐND xã và đại biểu HĐND xã có trách nhiệm triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này;

2. UBND xã, các bộ phận chuyên môn của UBND xã, Ban Thường trực UBMTTQ xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp để HĐND xã, Thường trực HĐND xã, các Ban của HĐND xã và đại biểu HĐND xã tổ chức thực hiện Quy chế này;

3. Thường trực HĐND xã theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện và tham mưu sửa đổi, bổ sung Quy chế khi cần thiết./.

